

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/HC-PT

Ngày: 23 - 9 - 2020

V/v: Kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 188/2020/TBPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Kiện quyết định hành chính*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1579/2020/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Dương Viết T, sinh năm 1952; trú tại: Thôn Q, xã T1, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn V - Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình (*theo văn bản quyền số 1877/QUQ-BHXH ngày 16/9/2020*). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Dương Viết T trình bày:

Tháng 11 năm 1969 ông nhập ngũ vào quân đội, đơn vị đóng quân ở chiến trường B, C. Tháng 3 năm 1977 ông được chuyển ngành về công tác tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên. Khi chia tỉnh ông được chuyển về công tác tại Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Quảng Bình. Ngày 5/6/2008 ông Dương Viết T được Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (*Quyết định số 139/QĐ-TCCB*). Ngày 17/6/2008 Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số: 804/2008/QĐ/BHXXH-CĐCS về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng. Theo đó ông Dương Viết T được tính tổng thời gian đóng BHXH là 38 năm 7 tháng, trong đó có 6 năm 5 tháng làm việc trong lực lượng vũ trang; được hưởng lương hưu từ ngày 01/6/2008. Do không đồng ý với cách tính thời gian hưởng chế độ như trên nên đến tháng 11/2018 ông Dương Viết T gửi đơn yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình xem lại thời gian công tác tại chiến trường B, C để tính lại chế độ cho ông. Cụ thể theo Điều 1 của Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng thì 01 năm công tác ở chiến trường B, C được tính bằng 1 năm 6 tháng. Ông Dương Viết T có 6 năm 5 tháng công tác ở chiến trường B, C, nên cách tính như sau: 6 năm 5 tháng x 1,5 = 9 năm 7, 5 tháng. Tổng thời gian được hưởng chế độ là 41 năm 7 tháng 15 ngày.

Ngày 27/11/2018, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình đã ban hành Công văn số 1703/BHXXH-CĐ V/v trả lời đơn ông Dương Viết T. Theo nội dung Công văn số 1703/BHXXH-CĐ thì từ ngày 01/01/2007 chế độ hưu trí được áp dụng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Trường hợp ông nghỉ hưu từ tháng 06/2008 nên cơ quan Bảo hiểm xã hội không tính quy đổi thời gian công tác ở chiến trường B và C. Ông Dương Viết T cho rằng Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình tính không đúng thời gian được hưởng chế độ của ông nên ngày 22/11/2019 ông gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình phải thu hồi hoặc hủy bỏ văn bản số 1703/BHXXH-CĐ ngày 27/11/2018. Theo đó tính lại thời gian công tác khi nghỉ hưu trong đó có 6 năm 5 tháng tham gia chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975 (*theo hệ số 1,5*) thời gian công tác còn thiếu của ông là 3 năm 2 tháng 15 ngày.

- Người bị kiện - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình trình bày (tại Công văn số 1954/BHXXH ngày 24/12/2019, Công văn số 275/BHXXH-CĐ ngày 24/02/2020, tại phiên đối thoại ngày 08/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm):

Việc quy đổi thời gian công tác ở chiến trường B và C một năm tính bằng 01 năm 02 tháng hoặc một năm tính bằng 01 năm 04 tháng hoặc 01 năm tính bằng 01 năm 06

tháng để tính hưởng chế độ hưu trí chỉ áp dụng cho những đối tượng nghỉ hưu có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc sửa đổi bổ sung một số chế độ, chính sách về thương binh và xã hội. Từ ngày 01/4/1993 đến ngày 31/12/1994, việc giải quyết chế độ hưu trí được áp dụng theo Nghị định 43-CP ngày 22/6/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ BHXH. Tại Điều 26 của Nghị định ghi rõ “*Những quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bãi bỏ*”. Tại phần II mục C Thông tư số 21-LB/TT, ngày 18/6/1994 của Liên bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ Bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc đã quy định “*Thời gian tính hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội là tổng số năm đóng bảo hiểm xã hội*”. Như vậy bắt đầu từ tháng 4/1993 đến 31/12/1994 thời gian để tính hưởng chế độ hưu trí không quy định tính thời gian quy đổi. Từ ngày 01/01/1995 đến ngày 31/12/2006, việc giải quyết chế độ hưu trí được áp dụng theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ ban hành kèm theo Điều lệ Bảo hiểm xã hội. Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2015 việc giải quyết chế độ hưu trí được áp dụng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Nội dung của các văn bản trên không quy định tính quy đổi thời gian công tác của đối tượng có thời gian tham gia ở chiến trường B và C để tính hưởng chế độ hưu trí. Ông Dương Viết T nghỉ hưu từ tháng 6/2008, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình đã giải quyết lương hưu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật bảo hiểm xã hội 2006 “*mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội*” và quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 “*mức lương hưu hàng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật này được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 58, Điều 59 hoặc Điều 60 của Luật này tương ứng với mười lăm năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75%*”.

Việc không tính quy đổi thời gian công tác của ông Dương Viết T ở chiến trường B và C để tính hưởng chế độ hưu trí là đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Căn cứ theo Quyết định số 1395/QĐ-LĐTBXH ngày 30/9/2015 của Bộ lao động thương binh và xã hội thì Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã hết hiệu lực từ tháng 01/1995. Vì vậy ông Dương Viết T đề nghị hủy bỏ Công văn số 1703/BHXXH-CD ngày 27/11/2018 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình là không có căn cứ, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 3, 5, 50, 52, 58, 59, 60, 140 Luật bảo hiểm xã hội 2006; Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Viết T về việc buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình phải hủy bỏ hoặc thu hồi Công văn số 1703/BHXXH-CD ngày 27/11/2018 Về việc trả lời đơn ông Dương Viết T; yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình tính lại thời gian công tác khi nghỉ hưu trong đó có 6 năm 5 tháng tham gia chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975 (*theo hệ số 1,5*) thời gian công tác còn thiếu của ông là 3 năm 2 tháng 15 ngày.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 5 năm 2020, ông Dương Viết T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Viết T không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Tại Điều 1 của Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách về thương binh và xã hội (*Sau đây viết tắt là Nghị định 236-HĐBT*) quy định: “*Nam công nhân viên chức đủ 60 tuổi (nếu là quân nhân thì đủ 55 tuổi) và có đủ 30 năm công tác, ...thì được hưởng lương hưu.. Tùy theo điều kiện lao động và chiến đấu, thời gian công tác được quy đổi theo hệ số một năm công tác được tính là 1 năm, hoặc 1 năm 2 tháng, hoặc 1 năm 4 tháng, hoặc 1 năm 6 tháng*” và tại khoản 2 mục III phần A của Thông tư số 48-TBXH ngày 30/9/1985 của Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: “*Nhằm ưu đãi những người có thời gian chiến đấu và lao động qua các thời kỳ kháng chiến, trong những ngành nghề độc hại,*

nặng nhọc, ở những địa bàn có chiến sự,... thời gian công tác trong những điều kiện nói trên được tính theo hệ số như sau:

a). 01 năm thực tế công tác được tính thêm 6 tháng (thành 18 tháng. Nói cách khác: có 8 tháng thực tế công tác được tính thành 1 năm). Hệ số này được dùng để tính thời gian công tác cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; trong những thời gian chiến đấu ở các chiến trường;...Hệ số này cũng được dùng để tính thời gian công tác cho công nhân, viên chức Nhà nước có thời gian hoạt động trong kháng chiến chống Pháp; ở các chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ từ tháng 7/1954 đến hết tháng 4/1975;... ”. Vì vậy, theo quy định trên, nếu trong trường hợp ông T nghỉ hưu trong thời điểm Nghị định số 236-HĐBT và Thông tư số 48-TBXH còn hiệu lực thi hành thì ông T được tính theo hệ số 1,5 (tức 1 năm được tính thêm 6 tháng) trong thời gian ông T tham gia ở chiến trường K, C. như yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Tuy nhiên, ông T nghỉ việc vào ngày 17/6/2008 (Quyết định 139/QĐ-TCCB của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình), là thời điểm Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 có hiệu lực thi hành: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007...” và theo quy định khoản 1, 2 Điều 5 Luật bảo hiểm xã hội 2006 thì thời gian để tính bảo hiểm xã hội là thời gian công tác thực tế: “mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội”. Bên cạnh đó, tại Điều 140 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định kể từ ngày 01/01/2007, việc quy đổi theo hệ số của Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 đã hết hiệu lực áp dụng: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007....

2. Những quy định trước đây trái với Luật này đều bị bãi bỏ.” .

Mặt khác, Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng đã được Quyết định số 1395/QĐ-LĐTBXH ngày 30/9/2015 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội công bố hết hiệu lực từ ngày 01/01/1995. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu tính lại thời gian công tác khi nghỉ hưu trong đó có 6 năm 5 tháng (*tham gia chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975*) với hệ số 1,5 theo quy định tại Nghị định số 236-HĐBT và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 236-HĐBT ngày 18/9/1985 là không có căn cứ và văn bản số 1703/BHXXH-CD ngày 27/11/2018 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình trả lời đơn ông Dương Viết T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Viết T.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Viết T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Dương Viết T là thương binh và là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Dương Viết T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 3,5, 50, 52,58,59, 60,140 Luật bảo hiểm xã hội 2006; Nghị định 152/2006/ND-CP ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 21/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Viết T về yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình phải hủy bỏ hoặc thu hồi Công văn số 1703/BHXX-CD ngày 27/11/2018 và yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Bình tính cộng thời gian tham gia chiến trường B, C còn thiếu của ông là 3 năm 2 tháng 15 ngày vào thời gian công tác khi nghỉ hưu.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Viết T không phải chịu.

3. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh